

**ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT**



TRẦN TRUNG CHÍNH

**ĐỊA VỊ PHÁP LÝ CỦA DOANH NGHIỆP KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM**

Chuyên ngành: Luật Kinh tế

Mã số: 8380107

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

THỪA THIÊN HUẾ, năm 2022

Công trình được hoàn thành tại:
Trường Đại học Luật, Đại học Huế

Người hướng dẫn khoa học: **TS. Vũ Anh Tuấn**

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận văn
thạc sĩ họp tại: Trường Đại học Luật

Vào lúc.....giờ.....ngày.....tháng năm.....

Trường Đại học Luật, Đại học Huế

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của đề tài	1
2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài	2
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu	2
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	3
5. Cơ sở phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu	3
6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn	3
7. Kết cấu của luận văn	4
CHƯƠNG 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ ĐỊA VỊ PHÁP LÝ CỦA DOANH NGHIỆP KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	5
1.1. Khái niệm, đặc điểm, chức năng của kiểm toán độc lập	5
1.1.1. Khái niệm kiểm toán độc lập	5
1.1.2. Đặc điểm của kiểm toán độc lập	5
1.1.3. Chức năng của kiểm toán độc lập	6
1.2. Khái niệm, đặc điểm, chức năng, loại hình doanh nghiệp của doanh nghiệp kiểm toán độc lập	6
1.2.1. Khái niệm doanh nghiệp kiểm toán độc lập	6
1.2.2. Đặc điểm của doanh nghiệp kiểm toán độc lập	6
1.2.3. Chức năng của doanh nghiệp kiểm toán độc lập	6
1.2.4. Loại hình doanh nghiệp của doanh nghiệp kiểm toán độc lập	7
1.3. Địa vị pháp lý của doanh nghiệp kiểm toán độc lập	7
1.3.1. Điều kiện, trình tự thủ tục cấp, cấp lại, điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán cho doanh nghiệp kiểm toán độc lập ...	7
1.3.1.1. Điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán của doanh nghiệp kiểm toán độc lập	7
1.3.1.2. Trình tự thủ tục cấp, cấp lại, điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán cho doanh nghiệp kiểm toán độc lập	8
1.3.2. Tổ chức bộ máy của doanh nghiệp kiểm toán độc lập	8
1.3.3. Tạm ngừng, đình chỉ, chấm dứt kinh doanh dịch vụ kiểm toán và thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán của doanh nghiệp kiểm toán	8
CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ ĐỊA VỊ PHÁP LÝ CỦA DOANH NGHIỆP KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG TẠI VIỆT NAM	2

2.1. Thực trạng quy định của pháp luật Việt Nam về địa vị pháp lý của doanh nghiệp kiểm toán độc lập	2
2.2. Thực tiễn áp dụng pháp luật về địa vị pháp lý của doanh nghiệp kiểm toán độc lập tại Việt Nam	3
2.3. Đánh giá chung về địa vị pháp lý của doanh nghiệp kiểm toán độc lập tại Việt Nam	3
2.3.1. Những ưu điểm đạt được.....	3
2.3.2. Những hạn chế còn tồn tại.....	4
2.4. Nguyên nhân của hạn chế, bất cập và những vấn đề đặt ra	5
CHƯƠNG 3. ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ ĐỊA VỊ PHÁP LÝ CỦA DOANH NGHIỆP KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	6
3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật về địa vị pháp lý của doanh nghiệp kiểm toán độc lập trong nền kinh tế Việt Nam.....	6
3.2. Giải pháp hoàn thiện và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về địa vị pháp lý của doanh nghiệp kiểm toán độc lập	7
3.2.1. Hoàn thiện các quy định pháp luật về địa vị pháp lý của doanh nghiệp kiểm toán độc lập.....	7
3.2.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về địa vị pháp lý của doanh nghiệp kiểm toán độc lập trong nền kinh tế Việt Nam.....	8
3.2.2.1. Giải pháp nâng cao công tác tổ chức thực hiện pháp luật.....	8
3.2.2.2. Tái cơ cấu và phát triển thị trường dịch vụ kiểm toán	9
3.2.2.3. Ổn định và nâng cao chất lượng nguồn cung dịch vụ kiểm toán.....	10
3.2.2.4. Kiện toàn tổ chức bộ máy cơ quan quản lý nhà nước về kiểm toán	10
3.2.2.5. Phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của doanh nghiệp kiểm toán độc lập.....	10
3.2.2.6. Phát triển quy mô doanh nghiệp kiểm toán, đa dạng hóa dịch vụ được cung cấp.....	11
3.2.2.7. Nâng cao chất lượng dịch vụ cung cấp và năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp.....	11
3.2.2.8. Tăng cường mở rộng quan hệ, hợp tác quốc tế, nâng cao vị thế của kế toán, kiểm toán Việt Nam.....	11
3.2.2.9. Tăng cường tuyên truyền phổ biến pháp luật kiểm toán.....	12
KẾT LUẬN	13

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong xu thế hội nhập hiện nay, hoạt động kiểm toán độc lập hình thành và phát triển là một nhu cầu tất yếu khách quan của nền kinh tế. Nền kinh tế thị trường đòi hỏi các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế muốn quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh, các nhà đầu tư muốn thực hiện đầu tư kể cả cơ quan quản lý nhà nước muốn quản lý nền kinh tế đều cần phải có các thông tin tài chính, kinh tế chính xác, kịp thời và đáng tin cậy. Để đáp ứng được yêu cầu đó, đòi hỏi phải có một bên thứ ba độc lập khách quan có trình độ chuyên môn cao, được thị trường chấp nhận và được pháp luật cho phép cung cấp thông tin cho các đối tượng quan tâm. Vì vậy, nền kinh tế thị trường đã hình thành nên loại kiểm toán độc lập và khi nền kinh tế thị trường càng hoàn hảo, càng phát triển thì đòi hỏi hoạt động kiểm toán độc lập phải càng phát triển và hoàn thiện hơn. Từ đó hoạt động kiểm toán độc lập đã trở thành nhu cầu cần thiết để công khai, minh bạch thông tin tài chính, phục vụ lợi ích của doanh nghiệp, các nhà đầu tư trong và ngoài nước, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành kinh tế, tài chính của Nhà nước và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Nhận thức được nhu cầu của hoạt động kiểm toán độc lập, số lượng các công ty cung cấp dịch vụ kiểm toán cũng vì vậy ngày càng tăng lên. Sự gia tăng về số lượng các công ty kiểm toán độc lập càng thể hiện tầm quan trọng của kiểm toán độc lập. Và một câu hỏi đặt ra là liệu việc tổ chức bộ máy kiểm toán tại các công ty này đã phù hợp chưa và có đảm bảo chất lượng cho các cuộc kiểm toán mà họ thực hiện không?

Bộ máy kiểm toán gồm cả con người và phương tiện chứa đựng các yếu tố của kiểm toán để thực hiện chức năng kiểm toán. Tổ chức bộ máy kiểm toán với những mô hình tổ chức và cơ chế hoạt động linh hoạt nhằm thích ứng với đặc điểm của đối tượng và khách thể kiểm toán trong các cuộc kiểm toán cụ thể và

hướng tới việc thực hiện các chức năng của kiểm toán.

Nhận thức được tầm quan trọng mô hình tổ chức và cơ chế hoạt động kiểm toán của DNKT độc lập, tìm hiểu lý luận và thực tiễn, tôi đã chọn đề tài “*Địa vị pháp lý của DNKT độc lập theo pháp luật Việt Nam*” để làm Luận văn Thạc sĩ luật học.

2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

- Phân tích cơ sở lý luận của pháp luật về hoạt động kiểm toán độc lập và DNKT độc lập.

- Phân tích các quy định của pháp luật và thực trạng áp dụng pháp luật về địa vị pháp lý của DNKT độc lập, từ đó đưa ra những vướng mắc trong thực tiễn về áp dụng pháp luật.

- Đưa ra các giải pháp hướng dẫn hoàn thiện các quy định pháp luật về địa vị pháp lý và định hướng nâng cao hiệu quả của DNKT độc lập trong nền kinh tế Việt Nam.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Với mục đích nghiên cứu trên, nhiệm vụ nghiên cứu của luận văn được xác định là:

- Đưa ra khái niệm, đặc điểm, cơ cấu địa vị pháp lý của DNKT độc lập.

- Phân tích các quy định pháp luật hiện hành về DNKT độc lập.

- Phân tích tình hình áp dụng pháp luật thông qua thực tiễn hoạt động kiểm toán của DNKT độc lập, đưa ra những tồn tại vướng mắc trong áp dụng pháp luật.

- Đưa ra một số giải pháp để hướng dẫn hoàn thiện các quy định pháp luật về địa vị pháp lý và định hướng nâng cao hiệu quả của DNKT độc lập trong nền kinh tế Việt Nam.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

- Hệ thống quan điểm, các vấn đề lý luận và thực tiễn về địa vị pháp lý của DNKT độc lập.

- Các văn bản pháp luật như: Luật Kiểm toán độc lập năm 2011 và các nghị định chuyên ngành và có liên quan đến lĩnh vực kiểm toán độc lập.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

- *Về không gian*: Nghiên cứu về địa vị pháp lý của DNKT độc lập theo quy định của Luật Kiểm toán độc lập năm 2011; nghiên cứu thực trạng áp dụng pháp luật sau khi Luật Kiểm toán độc lập năm 2011 có hiệu lực.

- *Về thời gian*: Từ năm 2015 đến năm 2020.

- *Về phạm vi*: Các DNKT độc lập tại Việt Nam nói chung và tại Công ty TNHH Kiểm toán FAC nói riêng .

5. Cơ sở phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Cơ sở lý luận

5.2. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp tổng hợp, phân tích để hệ thống hóa những vấn đề lý luận và thực tiễn.

- Phương pháp khảo sát, đánh giá tài liệu, quan sát, kiểm chứng để nghiên cứu, tổng kết thực trạng, phân tích làm nổi bật thực trạng các vấn đề nghiên cứu, xác định rõ những nguyên nhân làm cơ sở đề xuất những định hướng và giải pháp hoàn thiện pháp luật về địa vị pháp lý của DNKT độc lập.

- Phương pháp thống kê, so sánh: sử dụng các số liệu thống kê để phân tích, so sánh, tổng kết và rút ra các kết luận làm cơ sở đề xuất những định hướng và giải pháp hoàn thiện pháp luật về địa vị pháp lý của DNKT độc lập.

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn

6.1. Ý nghĩa lý luận

- Luận văn đã hệ thống hóa, phân tích và làm sâu sắc hơn các vấn đề lý luận về DNKT độc lập;

- Luận văn phân tích và đánh giá thực trạng pháp luật quy định về DNKT độc lập và thực tiễn thực hiện pháp luật về địa vị pháp lý của DNKT độc lập ở Việt Nam;

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Từ các nghiên cứu lý luận và thực tiễn, Luận văn đề xuất các giải pháp phù hợp để nâng cao hiệu quả của DNKT độc lập trong nền kinh tế Việt Nam.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung luận văn gồm 03 chương:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận về địa vị pháp lý của doanh nghiệp kiểm toán độc lập.

Chương 2: Thực trạng pháp luật về địa vị pháp lý của doanh nghiệp kiểm toán độc lập và thực tiễn áp dụng tại Việt Nam

Chương 3: Định hướng, giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về địa vị pháp lý của doanh nghiệp kiểm toán độc lập.

CHƯƠNG 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ ĐỊA VỊ PHÁP LÝ CỦA DOANH NGHIỆP KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

1.1. Khái niệm, đặc điểm, chức năng của kiểm toán độc lập

1.1.1. Khái niệm kiểm toán độc lập

Kiểm toán độc lập là hoạt động cung cấp dịch vụ tư vấn, ra đời và phát triển trong nền kinh tế thị trường trên thế giới cũng như ở Việt Nam. Kiểm toán độc lập xuất hiện và phát triển theo nhu cầu tự thân của nền kinh tế, hoạt động kiểm toán độc lập phục vụ cho doanh nghiệp và nhà đầu tư, sau đó được Nhà nước thừa nhận do hiệu quả và tính chất xã hội của nó.

1.1.2. Đặc điểm của kiểm toán độc lập

Một là, đối tượng của kiểm toán độc lập là thực trạng hoạt động tài chính, tài liệu kế toán, thực trạng tài sản và nghiệp vụ tài chính cùng hiệu quả và hiệu năng của các nghiệp vụ hay dự án cụ thể.

Hai là, mục đích của kiểm toán độc lập là kiểm tra, xác nhận và báo cáo về mức độ phù hợp, trung thực, hợp lý của thông tin trình bày trên báo cáo tài chính phục vụ cho việc ra quyết định của các đối tượng sử dụng thông tin. Nói cách khác, mục đích của kiểm toán độc lập là để có được những

Ba là, chủ thể kiểm toán độc lập là các KTV được cấp chứng chỉ hành nghề hợp pháp thuộc các công ty, các văn phòng kiểm toán chuyên nghiệp.

Bốn là, đối tượng áp dụng kiểm toán là các đơn vị được DNKT độc lập thực hiện kiểm toán.

Năm là, phạm vi kiểm toán độc lập. Để hình thành ý kiến nhận xét về các báo cáo tài chính, KTV phải có được các căn cứ vững chắc cũng như các thông tin cốt yếu trong công việc ghi chép kế toán và các nguồn số liệu đáng tin cậy khác đã được dùng làm cơ sở cho việc xây dựng các báo cáo tài chính

1.1.3. Chức năng của kiểm toán độc lập

Chức năng của kiểm toán độc lập là kiểm tra, xác nhận tính đúng đắn, trung thực và hợp lý của các số liệu kế toán và báo cáo quyết toán của các doanh nghiệp, tổ chức, cơ quan và trên cơ sở kết quả kiểm toán đưa ra những kết luận đánh giá việc tuân thủ pháp luật, chính sách, chế độ tài chính kế toán và hiệu quả hoạt động của đơn vị. Từ đó có thể thấy, kiểm toán độc lập có ba chức năng chính là: Chức năng kiểm tra, thẩm định thông tin; chức năng xác nhận và chức năng tư vấn.

1.2. Khái niệm, đặc điểm, chức năng, loại hình doanh nghiệp của doanh nghiệp kiểm toán độc lập

1.2.1. Khái niệm doanh nghiệp kiểm toán độc lập

DNKT độc lập là doanh nghiệp được thành lập và tổ chức hoạt động theo pháp luật về doanh nghiệp và đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán độc lập theo quy định của pháp luật.

1.2.2. Đặc điểm của doanh nghiệp kiểm toán độc lập

- Khác với kiểm toán nhà nước và kiểm toán nội bộ, DNKT độc lập thực hiện kiểm toán hoặc tư vấn theo yêu cầu của khách hàng, chủ thể bên ngoài DNKT.

- DNKT độc lập là doanh nghiệp hoạt động kinh doanh có điều kiện, chịu sự quản lý, kiểm soát chặt chẽ của nhà nước.

- DNKT độc lập là loại hình doanh nghiệp mang tính đối nhân nhiều hơn đối vốn, mặc dù DNKT độc lập có loại hình công ty TNHH hai thành viên trở lên và phải có vốn pháp định.

1.2.3. Chức năng của doanh nghiệp kiểm toán độc lập

Thứ nhất, DNKT độc lập tạo niềm tin cho những người quan tâm,

Thứ hai, DNKT độc lập góp phần hướng dẫn nghiệp vụ, củng cố nề nếp hoạt động tài chính kế toán nói riêng và hoạt động của các đơn vị nói chung. Hoạt động tài chính bao gồm những mối quan hệ đa dạng, luôn luôn biến đổi và được cấu thành bởi hàng loạt nghiệp vụ cụ thể.

Thứ ba, DNKT độc lập góp phần nâng cao hiệu quả và năng lực quản lý của doanh nghiệp được kiểm toán. Rõ ràng kiểm toán không chỉ có chức năng xác minh mà còn có chức năng tư vấn.

Thứ tư, kiểm toán độc lập còn là hoạt động dịch vụ và như vậy nó tạo ra giá trị cho nền kinh tế, góp phần nâng cao thu nhập quốc dân, nâng cao nguồn thu cho ngân sách. Hoạt động kiểm toán là loại hình dịch vụ tư vấn ở cấp độ chuyên môn cao và chuyên sâu, do vậy hoạt động này sẽ khai thác được nguồn nhân lực ở cấp độ chuyên môn này.

1.2.4. Loại hình doanh nghiệp của doanh nghiệp kiểm toán độc lập

Ở Việt Nam, hiện nay các công ty chỉ được đăng ký kinh doanh dịch vụ kiểm toán nếu thuộc một trong các loại hình doanh nghiệp sau:

- + Công ty TNHH hai thành viên trở lên.
- + Công ty hợp danh.
- + Doanh nghiệp tư nhân.

Như vậy công ty TNHH một thành viên và công ty cổ phần là hai hình thức doanh nghiệp không được đăng ký kinh doanh dịch vụ kiểm toán. Vấn đề này sẽ được phân tích làm rõ ở chương sau. Ngoài ra công ty kiểm toán sẽ không được đầu tư vốn để thành lập một doanh nghiệp khác.

1.3. Địa vị pháp lý của doanh nghiệp kiểm toán độc lập

1.3.1. Điều kiện, trình tự thủ tục cấp, cấp lại, điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán cho doanh nghiệp kiểm toán độc lập

1.3.1.1. Điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán của doanh nghiệp kiểm toán độc lập

Với đặc điểm là loại hình doanh nghiệp đối nhân, KTV là yếu tố cấu thành nên bộ máy của DNKT. DNKT có năng lực mạnh hay yếu phụ thuộc rất nhiều vào số lượng và chất lượng của KTV hành nghề tại DNKT

1.3.1.2. Trình tự thủ tục cấp, cấp lại, điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán cho doanh nghiệp kiểm toán độc lập

Kiểm toán độc là ngành nghề được pháp luật bảo hộ và được quản lý chặt chẽ bởi cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành và hiệp hội nghề nghiệp.

1.3.2. Tổ chức bộ máy của doanh nghiệp kiểm toán độc lập

Tổ chức bộ máy của DNKT độc lập bao gồm cả con người và phương tiện chứa đựng các yếu tố của kiểm toán để thực hiện chức năng kiểm toán.

- Về con người
- Về phương tiện

Bộ máy tổ chức của DNKT độc lập đáp ứng được các yếu trên thì chất lượng dịch vụ sẽ đảm bảo. Bởi vì, kiểm toán là một loại hình kinh doanh dịch vụ tư vấn đặc biệt, dịch vụ làm cho người dùng tin cậy, an tâm về chất lượng các con số, an tâm về tính trung thực, khách quan, đầy đủ, hợp pháp, hợp lý, hợp thủ tục của các thông tin kinh tế, tài chính, nhất là các thông tin tổng hợp trên báo cáo tài chính.

1.3.3. Tạm ngừng, đình chỉ, chấm dứt kinh doanh dịch vụ kiểm toán và thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán của doanh nghiệp kiểm toán

Với chức năng của mình, DNKT có tầm ảnh hưởng rất lớn đối với nền kinh tế thị trường, đòi hỏi năng lực chuyên môn của DNKT phải thường xuyên được duy trì ở mức đáp ứng được nhu cầu của thị trường, theo quy định của pháp luật để đảm bảo được chất lượng của dịch vụ kiểm toán. DNKT độc lập phải đảm bảo điều kiện được cấp Giấy chứng nhận kinh doanh dịch vụ kiểm toán trong suốt quá trình hoạt động của mình.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ ĐỊA VỊ PHÁP LÝ CỦA DOANH NGHIỆP KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG TẠI VIỆT NAM

2.1. Thực trạng quy định của pháp luật Việt Nam về địa vị pháp lý của doanh nghiệp kiểm toán độc lập

Theo Luật Kiểm toán độc lập năm 2011 quy định về tổ chức và hoạt động của DNKT độc lập đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán có các nội dung như sau: Loại hình DNKT độc lập; Vốn của DNKT độc lập; KTV hành nghề trong DNKT độc lập; Phạm vi hoạt động của DNKT độc lập.

Thứ nhất, về loại hình DNKT độc lập: Khoản 5 Điều 5 Luật Kiểm toán độc lập năm 2011 quy định: “DNKT là doanh nghiệp có đủ điều kiện để kinh doanh dịch vụ kiểm toán theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan”.

Thứ hai, về loại hình DNKT độc lập: Theo Điều 20 Luật Kiểm toán độc lập năm 2011 quy định chỉ có ba loại hình doanh nghiệp được kinh doanh dịch vụ kiểm toán bao gồm: công ty TNHH hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, doanh nghiệp tư nhân và chi nhánh DNKT nước ngoài tại Việt Nam được kinh doanh dịch vụ kiểm toán theo quy định của pháp luật.

Thứ ba, về vốn của DNKT độc lập: Hình thức phổ biến của tổ chức kiểm toán trên thế giới là công ty hợp danh và doanh nghiệp tư nhân dưới dạng văn phòng kiểm toán.

Thứ tư, về KTV hành nghề trong DNKT độc lập: Doanh nghiệp đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán ngoài đáp ứng được điều kiện về loại hình doanh nghiệp và về vốn pháp định như trình bày ở trên còn phải đảm bảo có ít nhất năm KTV hành nghề tại doanh nghiệp

Thứ năm, về phạm vi hoạt động của DNKT độc lập: Ngành nghề kiểm toán là ngành nghề đặc thù, hoạt động kinh doanh có điều kiện, có thể nói kết quả

kiểm toán được nhiều thành phần tham gia trong nền kinh tế sử dụng mang tính chất quan trọng.

2.2. Thực tiễn áp dụng pháp luật về địa vị pháp lý của doanh nghiệp kiểm toán độc lập tại Việt Nam

Qua hơn 25 năm ra đời và phát triển, từ năm 1991 đến nay, ngành kiểm toán độc lập Việt Nam đã dần khẳng định vai trò quan trọng trong nền kinh tế thị trường và trở thành bộ phận cấu thành của hệ thống công cụ quản lý vĩ mô, phục vụ công cuộc phát triển kinh tế đất nước. Đồng thời, nó là một kênh thông tin cần thiết và đáng tin cậy cho các nhà đầu tư, các chủ thể trong nền kinh tế xem xét tham gia và chi phối hoạt động kinh tế của mình. Hoạt động kiểm toán độc lập đã trở thành nhu cầu cần thiết để công khai, minh bạch thông tin tài chính, phục vụ lợi ích của doanh nghiệp, các nhà đầu tư trong và ngoài nước, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành kinh tế, tài chính của Nhà nước và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Hầu hết các DNKT độc lập đang hoạt động tại Việt Nam đều tổ chức và hoạt động theo loại hình công ty TNHH hai thành viên trở lên, mặc dù pháp luật Việt Nam cho phép ngoài loại hình công ty TNHH hai thành viên trở lên còn có loại hình doanh nghiệp tư nhân và công ty hợp danh là hai loại hình doanh nghiệp chịu trách nhiệm vô hạn. Tuy nhiên, do nền kinh tế thị trường của nước ta chưa thực sự phát triển và minh bạch về thông tin tài chính làm cho rủi ro rất cao đối với ngành kiểm toán độc lập, nên các chủ thể kiểm toán độc lập lựa chọn loại hình công ty TNHH hai thành viên trở lên, chịu trách nhiệm hữu hạn trong phần vốn góp để an toàn về mặt tài chính.

2.3. Đánh giá chung về địa vị pháp lý của doanh nghiệp kiểm toán độc lập tại Việt Nam

2.3.1. Những ưu điểm đạt được

Theo thông lệ quốc tế thì kiểm toán độc lập thường quan tâm đến kiểm toán tài chính, tức là xác minh tính trung thực của các thông tin tài chính trên các tài liệu kế toán, trên các báo cáo tài chính. Vấn đề cốt lõi của mọi cuộc kiểm toán

tài chính là chất lượng kiểm toán, tức là công ty kiểm toán phải đưa ra được ý kiến trung thực, đầy đủ và chính xác về tình hình tài chính và tính xác thực của báo cáo tài chính. Một trong những vấn đề ảnh hưởng đến chất lượng một cuộc kiểm toán đó chính là mô hình tổ chức của các công ty kiểm toán, của các cuộc kiểm toán.

2.3.2. Những hạn chế còn tồn tại

Bên cạnh đó, hoạt động kiểm toán độc lập trong thời gian qua vẫn còn *một số hạn chế, bất cập chủ yếu sau:*

- Trình độ tổ chức kinh doanh dịch vụ kiểm toán của các DNKT còn hạn chế. Uy tín của các DNKT nhỏ là chưa cao, đặc biệt là các Công ty mới thành lập, KTV chưa có thực tế làm kiểm toán, thường chưa đạt yêu cầu. Một số DNKT còn gặp khó khăn về cơ sở vật chất và năng lực đào tạo, khả năng cạnh tranh thấp, chưa được chuyên môn hóa cho từng lĩnh vực hoạt động.

- Chất lượng dịch vụ của các doanh nghiệp ngày càng tốt hơn nhưng vẫn chưa đạt như mong muốn và còn khó khăn để được khu vực và quốc tế thừa nhận. Nhiều DNKT có chất lượng dịch vụ đạt tiêu chuẩn quốc tế.

- Sự cạnh tranh giữa các DNKT còn vì lợi ích cục bộ: Các Công ty chưa thông qua cạnh tranh để nâng cao trình độ, kinh nghiệm chuyên môn, cũng như phát triển nghề nghiệp kiểm toán.

- Số lượng khách hàng tự nguyện kiểm toán còn ít. Số lượng khách hàng kiểm toán hiện nay chủ yếu là kiểm toán bắt buộc theo luật định, phần tự nguyện là chưa đáng kể

- Hạn chế về loại dịch vụ cung cấp: Các dịch vụ tư vấn tài chính, kế toán, thuế...chiếm tỷ trọng chưa cao.

- Dịch vụ kiểm toán mang tính chất tương đồng dịch vụ tư vấn pháp lý, tuy nhiên theo quy định của Luật Kiểm toán độc lập thì phạm vi hoạt động của DNKT không có dịch vụ tư vấn pháp lý.

2.4. Nguyên nhân của hạn chế, bất cập và những vấn đề đặt ra

Một là, hệ thống pháp luật kiểm toán độc lập về kiểm soát chất lượng dịch vụ kiểm toán kiểm toán độc còn chưa phát huy được hiệu quả.

Hai là, hệ thống pháp luật kiểm toán độc lập chưa quy định cụ thể và nghiêm ngặt trong việc xử lý vi phạm của các công ty kiểm toán và truy cứu trách nhiệm của họ khi vi phạm nghĩa vụ và trách nhiệm trong hoạt động kiểm toán.

Ba là, hệ thống pháp luật kiểm toán ở nước ta còn non trẻ mới có luật kiểm toán độc lập năm 2011 và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn thay thế cho các Nghị định, Thông tư cũ. Điều đó cho thấy, luật kiểm toán là một ngành luật còn khá mới mẻ chính vì vậy việc tuyên truyền phổ biến và đưa pháp luật vào trong cuộc sống cũng phải mất một khoảng thời gian tương đối dài

CHƯƠNG 3

ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ ĐỊA VỊ PHÁP LÝ CỦA DOANH NGHIỆP KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật về địa vị pháp lý của doanh nghiệp kiểm toán độc lập trong nền kinh tế Việt Nam

* *Định hướng chung:*

- Tạo lập một hệ thống kế toán, kiểm toán hoàn chỉnh, phù hợp với cơ chế quản lý của Nhà nước và phát triển nghề nghiệp kế toán, kiểm toán khu vực và thế giới nhằm thỏa mãn yêu cầu thông tin cho quản lý, điều hành và kiểm kê, kiểm soát các nguồn lực của nền kinh tế, các hoạt động kinh tế - tài chính của đất nước.

- Xây dựng và phát triển một hệ thống khuôn khổ pháp lý về kế toán, kiểm toán trên cơ sở nghiên cứu, tiếp thu về cơ bản các thông lệ quốc tế vào điều kiện cụ thể của Việt Nam, tạo môi trường pháp lý đầy đủ, chặt chẽ, phù hợp để thúc đẩy hoạt động kế toán, kiểm toán phát triển, đồng thời để quản lý chặt chẽ, nâng cao chất lượng, đạo đức nghề nghiệp.

- Nâng cao vai trò và năng lực quản lý Nhà nước về kế toán, kiểm toán, đẩy mạnh quản lý, giám sát hoạt động kế toán, kiểm toán; kiểm tra, giám sát thực thi pháp luật về kế toán, kiểm toán cũng như hoạt động hành nghề kế toán, kiểm toán.

- Phát triển mạnh nguồn nhân lực trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán ngang tầm với các nước phát triển trong khu vực cả về số lượng và chất lượng.

- Tăng cường quan hệ, hợp tác với các tổ chức quốc tế về kế toán - kiểm toán, tạo lập mối liên hệ chặt chẽ, thừa nhận lẫn nhau giữa Việt Nam và các nước trong khu vực, trên thế giới.

- Nâng cao năng lực chuyên môn và chất lượng dịch vụ cung cấp để giảm thiểu rủi ro nghề nghiệp, nâng cấp và hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật, tổ

chức quản lý, đầu tư công nghệ, kỹ thuật dịch vụ như chuẩn mực, quy trình, kỹ thuật kiểm toán

** Định hướng cụ thể:*

- Nâng cao chất lượng hệ thống thông tin kinh tế - tài chính - ngân sách thông qua việc hoàn thiện và nghiêm túc thực thi các văn bản Luật kế toán, Luật kiểm toán độc lập.

- Tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước về kế toán - kiểm toán trên cơ sở đổi mới cơ chế hoạt động, tăng cường lực lượng cho cơ quan quản lý nhà nước về kế toán, kiểm toán của Bộ Tài chính.

- Phát triển mạnh mẽ thị trường dịch vụ kế toán, kiểm toán, tăng nhanh số lượng doanh nghiệp dịch vụ kế toán - kiểm toán và số lượng KTV, kế toán viên hành nghề; mở rộng thị trường dịch vụ kế toán - kiểm toán trong và ngoài nước; nâng cao chất lượng dịch vụ kế toán - kiểm toán; đa dạng hóa các sản phẩm dịch vụ kế toán - kiểm toán đáp ứng yêu cầu quản lý của nền kinh tế quốc dân.

- Phát triển nguồn nhân lực về kế toán, kiểm toán đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng trên cơ sở triển khai hiệu quả các nội dung: Đổi mới và tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng; đồng thời kết hợp giữa đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu theo chuyên ngành và đào tạo nâng cao học vấn nhằm tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao. Xây dựng các chương trình và bộ tài liệu chuẩn, phù hợp thông lệ quốc tế về đào tạo, bồi dưỡng, thi lấy các chứng chỉ nghề nghiệp kế toán, kiểm toán.

- Tăng cường hội nhập quốc tế, tạo dựng mối liên hệ chặt chẽ, thừa nhận lẫn nhau giữa Việt Nam và các quốc gia trong khu vực, trên thế giới và các tổ chức quốc tế

3.2. Giải pháp hoàn thiện và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về địa vị pháp lý của doanh nghiệp kiểm toán độc lập

3.2.1. Hoàn thiện các quy định pháp luật về địa vị pháp lý của doanh nghiệp kiểm toán độc lập

Thứ nhất, hoàn thiện các quy định pháp lý:

Hệ thống các quy định pháp lý về KTĐL đã được ban hành khá đầy đủ bộ, tuy nhiên cũng còn những điểm cần hướng dẫn rõ. Ví dụ: Bổ sung các quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán, KTĐL, đặc biệt là xử phạt hành vi vi phạm về chất lượng dịch vụ kiểm toán; Sửa đổi quy định về đăng ký, quản lý hành nghề kiểm toán và cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán

Thứ hai, nâng cao tăng cường năng lực kiểm tra, kiểm soát của cơ quan nhà nước:

Bên cạnh việc hoàn thiện khuôn khổ pháp lý, ban hành các chuẩn mực nghề nghiệp, cơ quan quản lý nhà nước cần kiện toàn bộ máy tổ chức, nâng cao năng lực hoạt động, phối hợp chặt chẽ với tổ chức nghề nghiệp về kiểm toán để tăng cường kiểm tra chất lượng KTV cũng như chất lượng báo cáo kiểm toán. Có cơ chế phù hợp để huy động được người có trình độ, kinh nghiệm tham gia vào công tác kiểm soát chất lượng không như hiện nay chỉ mới chi trả theo chế độ công tác phí cho đoàn kiểm tra chất lượng. Về lâu dài cần hướng đến thay đổi cách thức kiểm tra chất lượng thay vì cơ quan quản lý nhà nước thực hiện kiểm tra mà chuyển sang một đơn vị độc lập thực hiện kiểm tra, đơn vị độc lập này có thể thuộc Bộ Tài chính, hoặc giao cho VACPA thực hiện.

3.2.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về địa vị pháp lý của doanh nghiệp kiểm toán độc lập trong nền kinh tế Việt Nam

3.2.2.1. Giải pháp nâng cao công tác tổ chức thực hiện pháp luật

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thực hiện các quy định của Luật kiểm toán độc lập năm 2011 và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thực hiện theo hướng thống nhất, đồng bộ, có tính sáng tạo từ trên xuống.

- Tăng cường các hoạt động kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật và các chuẩn mực chuyên môn nghiệp vụ của các DNKT, KTV.

- Nâng cao năng lực của tổ chức quản lý, giám sát dịch vụ kiểm toán; tăng cường năng lực nhân lực có trình độ, chuyên môn và kinh nghiệm nghề nghiệp; đảm bảo các điều kiện để tổ chức thực hiện độc lập, chất lượng và ổn định.

- Thực hiện có hiệu quả việc công khai, minh bạch thông tin kinh tế, tài chính của các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, tổ chức kinh tế; trong đó lưu ý đối với đơn vị có lợi ích công chúng.

3.2.2.2. *Tái cơ cấu và phát triển thị trường dịch vụ kiểm toán*

- Tuyên truyền, hỗ trợ để nâng cao sự hiểu biết của khách hàng và xã hội về kiểm toán độc lập theo hướng tự nguyện thuê kiểm toán để đáp ứng nhu cầu của người sử dụng thông tin trên báo cáo tài chính.

- Đa dạng hóa các thành phần kinh tế tham gia đầu tư vào ngành kiểm toán đồng thời với việc thu hẹp các hình thức DNKT là một bước đi đúng hướng trong việc phát triển thị trường kiểm toán.

- Chỉ đạo các đối tượng thuộc diện bắt buộc kiểm toán báo cáo tài chính thực hiện cơ chế kiểm toán; đồng thời khuyến khích mở rộng các đối tượng thực hiện kiểm toán độc lập nhằm nâng cao tính công khai, minh bạch các hoạt động kinh tế, tài chính.

- Mở rộng quy mô số lượng và chất lượng các DNKT độc lập, các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ kế toán thông qua hoàn thiện cơ chế và điều kiện hành nghề; tăng cường đội ngũ KTV và tăng cường kiểm tra chất lượng dịch vụ kế toán, kiểm toán.

- Nâng cao năng lực và phát huy thế mạnh của các DNKT trong nước cũng như doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài bằng cách tăng cường, mở rộng hoạt động liên doanh, liên kết giữa các DNKT trong và ngoài nước, phát huy hiệu quả hăng thành viên trong việc đấu thầu cung cấp dịch vụ kiểm toán cho các dự án quốc tế lớn.

- Nghiên cứu xác định đối tượng phải thực hiện kiểm toán độc lập phù hợp. Quy định rõ tiêu chí đối với các doanh nghiệp phải được kiểm toán hàng năm và minh bạch thông tin tài chính.

- Xác định tiêu chí đối với các đơn vị có lợi ích công chúng theo hướng bổ sung các đối tượng cần thiết, cùng với các yêu cầu về công khai, minh bạch báo cáo tài chính chặt chẽ và hiệu quả, đảm bảo lợi ích công chúng và sự phát triển bền vững.

3.2.2.3. Ổn định và nâng cao chất lượng nguồn cung dịch vụ kiểm toán

- Định hướng về quy mô, số lượng và chất lượng dịch vụ của các DNKT phù hợp với yêu cầu của thực tế; tăng cường số lượng và chất lượng đội ngũ KTV; thực hiện hiệu quả các giải pháp đối với nguồn cung dịch vụ, nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ kiểm toán.

- Hoàn thiện các quy định tạo cơ sở và điều kiện cho việc tham gia các thỏa thuận quốc tế và công nhận lẫn nhau đối với kiểm toán viên hành nghề...

- Thực hiện các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ thẩm định giá và các dịch vụ khác, đồng thời xây dựng hệ thống thông tin làm cơ sở xác định các chỉ số tài chính.

- Đa dạng hóa các loại hình dịch vụ cung cấp: Hoàn thiện hơn nữa các loại hình dịch vụ đang thực hiện, trong đó chú trọng dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính, dịch vụ kế toán, dịch vụ tư vấn tài chính, thuế...nhằm thực hiện tốt chiến lược nguồn nhân sự, nhân tố con người và thu hút vốn đầu tư nước ngoài.

3.2.2.4. Kiện toàn tổ chức bộ máy cơ quan quản lý nhà nước về kiểm toán

- Đánh giá lại vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trong Bộ Tài chính đối với việc quản lý, giám sát về kiểm toán.

- Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác quản lý nhà nước về kiểm toán.

- Đẩy mạnh sự phát triển các tổ chức nghề nghiệp trong lĩnh vực kiểm toán trong nước trở thành tổ chức tự quản.

3.2.2.5. Phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của doanh nghiệp kiểm toán độc lập

Để phát triển nguồn nhân lực cho dịch vụ KTĐL trước hết phải thực hiện thay đổi đào tạo chuyên ngành kế toán, kiểm toán tại các cơ sở đào tạo đại

học. Để có sự thừa nhận của quốc tế và các nước trong khu vực cơ sở đào tạo cần phải phối hợp với các tổ chức nghề nghiệp, DNKT xây dựng một chương trình giảng dạy cốt lõi cho đào tạo kế toán, kiểm toán. Các chương trình đào tạo cần phải bám sát các chuẩn mực kiểm toán của quốc tế qua đó sẽ nâng cao, giúp các sinh viên có được kiến thức thực tế về công việc của mình.

3.2.2.6. Phát triển quy mô doanh nghiệp kiểm toán, đa dạng hóa dịch vụ được cung cấp

DNKT hiện nay đa phần là các công ty kiểm toán nhỏ chỉ với 5 KTV hành nghề và doanh thu 1 năm dưới 20 tỷ đồng. Do đó, sức cạnh tranh cũng như khả năng cung cấp dịch vụ không lớn. Cơ quan quản lý cần khuyến khích việc sáp nhập, hợp nhất các DNKT cũng như khuyến khích DNKT tham gia vào các mô hình mạng lưới liên kết với tổ chức quốc tế để đạt được quy mô doanh nghiệp đủ mạnh, đủ chuyên nghiệp thực hiện cung cấp dịch vụ.

3.2.2.7. Nâng cao chất lượng dịch vụ cung cấp và năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp

Để tăng doanh thu thì chính các DNKT phải hết sức quan tâm nâng cao chất lượng dịch vụ cung cấp, quan tâm đầu tư kỹ thuật và áp dụng công nghệ thông tin vào công tác kiểm toán qua đó sẽ giúp nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

3.2.2.8. Tăng cường mở rộng quan hệ, hợp tác quốc tế, nâng cao vị thế của kế toán, kiểm toán Việt Nam

- Tăng cường mối quan hệ với các tổ chức nghề nghiệp quốc tế về kế toán, kiểm toán trong việc nghiên cứu, trao đổi kinh nghiệm và học hỏi về nội dung, phương thức quản lý nhà nước về kế toán, kiểm toán. Nghiên cứu các mô hình của các nước phát triển để vận dụng vào Việt Nam về xây dựng kỹ thuật nghiệp vụ kế toán, kiểm toán; phát triển dịch vụ kế toán, kiểm toán; mô hình đào tạo, thi, cấp chứng chỉ hành nghề về kế toán, kiểm toán.

- Tranh thủ sự giúp đỡ của các tổ chức nghề nghiệp quốc tế về kế toán, kiểm toán; của các tổ chức phi chính phủ trong việc hỗ trợ các dự án triển khai nghiên cứu và thực hiện cải cách kế toán, kiểm toán.

3.2.2.9. Tăng cường tuyên truyền phổ biến pháp luật kiểm toán

Pháp luật kiểm toán độc lập của nước ta còn chưa thực sự đi sâu vào trong đời sống, đến tận năm 2011 Luật kiểm toán độc lập mới ra đời và hàng loạt các nghị định, thông tư, các văn bản hướng dẫn được ban hành để thay thế, khắc phục những lỗ hổng pháp luật kiểm toán trước kia. Chính vì vậy, việc tăng cường tuyên truyền, quảng bá, nâng cao hiểu biết, nhận thức xã hội về sự cần thiết của hoạt động dịch vụ kiểm toán là rất cần thiết. Từ đó ngày càng khẳng

KẾT LUẬN

Trong gần 30 năm qua, ngành kiểm toán độc lập đã không ngừng phát triển, hoàn thiện, khẳng định được vị thế và vai trò của mình trong quá trình phát triển và hội nhập của nền kinh tế Việt Nam. Luật Kiểm toán độc lập năm 2011 đã được ban hành và làm thay đổi hoạt động kiểm toán độc lập theo hướng tích cực. Tuy nhiên thời gian áp dụng luật chưa lâu và thị trường kiểm toán độc lập vẫn còn bị bó hẹp nên việc đánh giá tác động của Luật đến tình hình phát triển của ngành còn chưa thật chính xác. Việc thực hiện tuyên truyền Luật còn chưa được phổ biến do vậy Luật còn chưa được áp dụng nhiều trong công tác kiểm toán, chủ yếu hiện nay người làm kiểm toán mới am hiểu nhiều về Luật Kiểm toán còn đối tượng sử dụng hoặc đối tượng được kiểm toán thì chưa am hiểu nhiều.

Để đạt được mục tiêu này thì cần phải có sự tham gia và thực thi tích cực của nhiều thành phần trong xã hội như các cơ quan quản lý nhà nước, các đối tượng sử dụng kết quả của báo cáo kiểm toán, các đơn vị được kiểm toán, các KTV hành nghề và các DNKT. Luận văn này đã phân tích rõ những ưu và khuyết điểm của hệ thống pháp luật kiểm toán Việt Nam nhằm định hướng phương hướng điều chỉnh pháp luật và đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện các quy định của pháp luật về tổ chức và hoạt động của DNKT độc lập qua đó, góp phần nâng cao hiệu quả của ngành kiểm toán độc lập, làm lành mạnh, minh bạch nền kinh tế quốc dân, đưa nền kinh tế đang phát triển của Việt Nam lên ngang tầm với các nước phát triển trên thế giới.